

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 03-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hồng.**

Ông **Cao Văn Truệ.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-KDTM ngày 11/02/2025 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số: 01/2025/QĐST-KDTM ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P.** Địa chỉ: Số 359A đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Ngô Phong Hiệp** - Chức vụ: Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Gia Mạnh**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Số 8, Ngõ 112 đường Phan Xích, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội và bà **Lê Nguyễn Thùy Uyên**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 75C đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (*Theo hợp đồng ủy quyền số 10.5/HĐUQ ngày 10/5/2024*). Ông Mạnh có mặt.

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần K T.** Địa chỉ: Tổ 2, thôn Dương Sơn, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ làm việc: Khu C, tòa nhà FPT Plaza 1, đường Võ Quý Huân, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện hợp pháp:* Ông **Ngô Văn Hỷ** - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P là ông Nguyễn Gia Mạnh trình bày: Ngày 05/09/2023, công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H

P (sau đây gọi tắt là công ty H P) có ký kết Hợp đồng thuê phương tiện số: 05/09/HĐTPT/2023 với công ty cổ phần H P (sau đây gọi tắt là công ty H P). Theo đó, công ty H P thuê của công ty H P các phương tiện để phục vụ thi công dự án cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ngày 16/09/2023 và ngày 31/10/2023, công ty H P đã bàn giao toàn bộ các phương tiện và thiết bị nêu trên cho đại diện công ty H P (Theo biên bản bàn giao hai bên đã ký kết). Lý do biên bản bàn giao tàu H P 15 ngày 31/10/2023 có hai bản, một bản viết tay của nhân viên hai bên và một bản có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật hai bên là do quá trình thực hiện bàn giao thực tế đối với sà lan này do thuyền viên và nhân viên có mặt tại hiện trường công trình của hai bên thực hiện và ký vào biên bản (Biên bản có chữ ký của ông Ngô Trí Đăng và ông Trần Quang Chính), tại thời điểm bàn giao tàu H P 15 không có mặt trực tiếp của đại diện theo pháp luật hai bên. Vì vậy, dựa trên biên bản giao nhận thực tế tại hiện trường, đại diện theo pháp luật của hai bên đã lập lại biên bản bàn giao cho đúng với quy định và để làm căn cứ gửi ra ngân hàng đối với khoản tiền đã bảo lãnh tại ngân hàng. Tuy nhiên, do trong biên bản bàn giao này công ty H P có thêm nội dung “*Công nợ được tính phát sinh khi tàu bắt đầu vận chuyển*”, đây là nội dung không đúng với thỏa thuận của các bên trước đó trong hợp đồng, tuy nhiên do không đọc kỹ và tin tưởng nội dung biên bản giống với biên bản trước đó của tàu H P 27 nên đại diện của công ty H P đã ký. Đây chính là lý do công ty H P trao đổi với công ty H P rằng phần nội dung này của Biên bản bàn giao là không có giá trị. Thực tế các bên không làm lại biên bản bàn giao nào khác và công ty H P vẫn nhận bàn giao sà lan H P 15 và sử dụng kể từ ngày 31/10/2023. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng, sau khi ký hợp đồng công ty H P phải mở bảo lãnh giá trị tối thiểu là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để công ty H P di chuyển sà lan và bàn giao cho công ty H P. Ngày 11/09/2023, công ty H P nhận được Thư bảo lãnh số BL 195291 ngày 11/09/2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Sau đó, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngay từ những lần thanh toán tiền thuê tháng đầu tiên công ty H P đã vi phạm thời hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Công ty H P cũng đã nhiều lần gửi email kèm đề nghị thanh toán, nhắc công nợ cho công ty H P. Tuy nhiên, phía công ty H P luôn lấy lý do đã có bảo lãnh ngân hàng nên công ty H P cứ yên tâm thực hiện. Khi giá trị thực hiện Hợp đồng đã quá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và công ty H P nhiều lần yêu cầu thanh toán thì công ty H P trả lời công ty H P yêu cầu ngân hàng để lấy tiền theo bảo lãnh ngày 11/09/2023.

Ngày 02/12/2023, công ty H P nhận được 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) từ ngân hàng VPBank theo bảo lãnh thanh toán ngày 11/09/2023. Sau khi công ty H P nhận được tiền bảo lãnh, hai bên vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng. Công ty H P lại tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mặc dù công ty H P đã gửi văn bản nhắc nhở nhiều lần.

Đến ngày 09/12/2023, công ty H P gửi văn bản số: 0812/CV-KT ngày 08/12/2023 về việc trả lại sà lan H P 17 và tàu kéo, sà lan H P 15 và tàu kéo. Theo yêu cầu của công ty H P, công ty H P đã thu hồi sà lan H P 15 và tàu kéo ngay ngày 09/12/2023, còn sà lan H P 27 và tàu kéo công ty H P vẫn sử dụng, công ty H P đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và gửi email yêu cầu công ty H P thanh toán tiền thuê và di dời các thiết bị của H P ra khỏi sà lan H P 27 để công ty H P thu hồi sà lan nhưng công ty H P vẫn không thực hiện việc di dời các thiết bị và phản hồi cho công ty H P biết.

Ngày 30/01/2024, công ty H P đã di dời sà lan H P 27, tàu kéo và yêu cầu công ty

H P thanh toán tiền thuê thiết bị và nhận lại thiết bị theo đúng thỏa thuận. (Theo Thông báo tại Công văn số 28.12/KT/CV-2023, công ty H P gửi cho công ty H P ngày 28/12/2023). Như vậy, công ty H P đã sử dụng tàu kéo và sà lan H P 15 đến ngày 15/12/2023 và sử dụng tàu kéo và sà lan H P 27 đến ngày 04/01/2025. Đến nay, công ty H P còn phải thanh toán cho công ty H P sau khi kết thúc việc thuê thiết bị, số tiền là: 3.056.920.000 đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng). Cụ thể về số tiền này như sau:

Đối với Sà lan H P 27 và tàu kéo: Ngày bàn giao 16/9/2023, ngày tính tiền thuê theo quy định tại hợp đồng 10/9/2023. Lý do tính tiền thuê đến ngày 04/01/2024 bởi, ngày 28/12/2023, công ty H P đã làm công văn về việc thu hồi sà lan gửi cho công ty H P, sau đó ngày 30/01/2024 công ty H P mới cho sà lan H P 27 di chuyển để thu hồi lại sà lan về. Công ty H P đã cộng thêm thời gian di chuyển phương tiện đã được các bên thống nhất thỏa thuận theo Khoản 2.2 của hợp đồng.

Đã xuất hóa đơn	Nội dung	Số tiền	Thời hạn thanh toán theo quy định tại hợp đồng
35	Tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo từ 10/9 - 9/10/2023	669.600.000	10/9/2023
35	Tiền huy động sà lan H P 27 và tàu kéo lượt đi.	399.600.000	10/9/2023
43	Tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo từ 10/10 - 9/11/2023	669.600.000	10/10/2023
56	Tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo từ 10/11 - 9/12/2023	669.600.000	10/11/2023
	Tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo từ 10/12 - 4/01/2024	580.320.000	10/12/2023
	Tiền huy động sà lan H P 27 và tàu kéo lượt về	291.600.000	10/12/2023
TỔNG CỘNG		3.280.320.000	

Đối với Sà lan H P 15 và tàu kéo: Ngày bàn giao 31/10/2023, ngày tính tiền thuê theo quy định tại hợp đồng 25/10/2023. Lý do tính tiền thuê đến ngày 15/12/2023 bởi, ngày 09/12/2023, công ty H P mới nhận được công văn đề nghị trả lại sà lan của công ty H P, sau đó ngay ngày 09/12/2023 công ty H P đã cho sà lan H P 15 di chuyển để thu hồi lại sà lan về. Công ty H P đã cộng thêm thời gian di chuyển phương tiện đã được các bên thống nhất thỏa thuận theo Khoản 2.2 của hợp đồng.

Số HĐ	Nội dung	Thành tiền	Thời hạn thanh toán
45	Tiền thuê sà lan H P 15 và tàu kéo từ	702.000.000	10/11/2023

	25/10 - 24/11/2023		
45	Tiền huy động sà lan H P 15 và tàu kéo lượt đi	291.600.000	10/11/2023
	Tiền thuê sà lan H P 15 và tàu kéo từ 25/11 - 15/12/2023	491.400.000	10/12/2023
	Tiền huy động sà lan H P 15 và tàu kéo lượt về	291.600.000	10/12/2023
TỔNG CỘNG		1.776.600.000	

Về thanh toán

- Tổng số tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo, sà lan H P 15 và tàu kéo: 5.056.920.000 đồng.

- Công ty cổ phần H P đã thanh toán cho công ty H P, số tiền: 2.000.000.000 đồng (thanh toán ngày 01/12/2023).

Như vậy, số tiền công ty Cổ phần H P còn phải thanh toán cho công ty H P sau khi kết thúc việc thuê thiết bị là 3.056.920.000 đồng (*Ba tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*). Theo quy định trên, công ty H P còn phải thanh toán cho công ty H P tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 10/12/2023 (*ngày đến hạn thanh toán theo đúng hợp đồng*) đến khi hoàn tất việc thanh toán. Số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 27/02/2025 (01 năm, 02 tháng, 17 ngày) với lãi suất tạm tính 9%/năm là:

STT	Thời gian	Lãi suất	Số tiền
1	01 năm	9%/năm	275.122.800
2	02 tháng	0,75%/tháng	45.853.800
3	17 ngày	0,025%/ngày	12.991.910
Tổng cộng tiền lãi			333.968.510

(Bằng chữ: *Ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm mười đồng*).

Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Tòa án:

- Buộc công ty cổ phần H P thanh toán tiền thuê phương tiện, thiết bị theo Hợp đồng cho công ty H P số tiền là: 3.056.920.000 đồng (*Ba tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Buộc công ty cổ phần H P thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền nêu trên cho công ty H P tính từ ngày 10/12/2023 theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 11 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 27/02/2025 với lãi suất tạm tính 9%/năm là: 333.968.510 đồng (*Ba trăm ba mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm mười đồng*).

Tổng số tiền phải thanh toán là: 3.390.888.510 đồng (*Ba tỷ, ba trăm chín mươi triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm mười đồng*).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Gia

Mạnh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê sà lan H P 15 và tàu kéo từ ngày 10/12/2023 đến ngày 04/01/2024 tương ứng với số tiền là 580.320.000 đồng và tiền lãi kèm theo là 60.304.201 đồng. Đối với các yêu cầu còn lại đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

** Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Cổ phần H P nhưng bị đơn không hợp tác làm việc nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút. Đối với yêu cầu còn lại của nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3, Điều 4 và Điều 306 Luật Thương mại để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P. Buộc bị đơn công ty cổ phần H P phải thanh toán số tiền 2.750.244.300 đồng (Trong đó, số tiền thuê phương tiện theo hợp đồng là 2.476.600.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ là 273.644.300 đồng). Bị đơn công ty cổ phần H P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối với vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn công ty H P khởi kiện công ty cổ phần H P về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thuê phương tiện số 05.9/HĐTPT/2023 ngày 05/9/2023. Bị đơn có trụ sở tại tổ 2 thôn Dương Sơn, xã Hòa Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về kinh doanh thương mại này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê sà lan H P 15 và tàu kéo từ ngày 10/12/2023 đến ngày 04/01/2024 là 580.320.000 đồng và tiền lãi kèm theo là 60.304.201 đồng. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[1.3] Bị đơn công ty cổ phần H P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn công ty cổ phần H P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty H P thì thấy:

Ngày 05/9/2023, công ty H P và công ty cổ phần H P ký kết Hợp đồng thuê phương tiện số 05.9/HĐTPT/2023. Theo đó, công ty H P cho công ty H P thuê các phương tiện gồm: Phòng tông tên phương tiện H P 27 số Đăng ký SG-8250; Phòng tông tên phương tiện H P 15 số Đăng ký SG-5373 và tàu kéo có công suất phù hợp. Thực hiện hợp đồng nêu trên, ngày 16/9/2023, công ty H P đã bàn giao cho công ty H P phương tiện sàn lan H P 27 và tàu kéo. Và đến ngày 30/10/2023, công ty H P tiếp tục bàn giao cho công ty H P phương tiện sàn lan H P 15 và tàu kéo. Đến ngày 08/12/2023, công ty H P có Công văn số: 0812/CV-KT về việc trả lại sàn lan H P 27 và tàu kéo; sàn lan H P 15 và tàu kéo. Và đến ngày 09/12/2023, công ty H P đã thực hiện việc di chuyển, thu hồi sàn lan H P 15 theo yêu cầu của công ty H P. Riêng đối với sàn lan H P 27 thì đến ngày 04/01/2024, công ty H P mới thực hiện việc di chuyển, thu hồi.

HĐXX thấy rằng: Hợp đồng thuê phương tiện số 05.9/HĐTPT/2023 giữa công ty H P và công ty H P đảm bảo các điều kiện quy định tại các Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự nên có giá trị ràng buộc về quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Theo đó, công ty H P đã bàn giao và thu hồi các phương tiện H P 27 số Đăng ký SG-8250 và H P 15 số Đăng ký SG-5373 theo yêu cầu của công ty H P. Tính đến thời điểm ngày 09/12/2023, số tiền thuê phương tiện mà công ty H P còn nợ công ty H P theo hợp đồng là 2.476.600.000 đồng. Công ty H P chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 274, 275 và Điều 280 Bộ luật Dân sự và được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty H P về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn công ty H P thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 10/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9%/năm, HĐXX xét thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại, trường hợp về cùng vấn đề mà Luật Thương mại và các luật khác không quy định thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự. Riêng đối với vấn đề lãi, lãi suất thì cần áp dụng áp dụng quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo đó, mức lãi suất mà nguyên đơn công ty H P yêu cầu là phù hợp với Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi mà bị đơn công ty H P phải chịu tính từ ngày 10/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/3/2025) là: 2.476.600.000 đồng x 9%/năm x (01 năm, 2 tháng, 22 ngày) = 273.644.300 đồng.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty H P. Buộc bị đơn công ty H P phải thanh toán tổng số tiền là 2.750.244.300 đồng. Trong đó, số tiền thuê phương tiện theo hợp đồng là 2.476.600.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 273.644.300 đồng.

[2.3] Về án phí: Bị đơn công ty H P phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 72.000.000 đồng + 2% x 750.244.300 đồng = 87.004.886 đồng.

[2.4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 274, 275, 280, 351, 357, 468 BLDS; khoản 3, Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P đã rút liên quan đến số tiền thuê sà lan H P 27 và tàu kéo từ ngày 10/12/2023 đến ngày 04/01/2024 là 580.320.000 đồng (*Năm trăm, tám mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*) và tiền lãi kèm theo là 60.304.201 đồng (*Sáu mươi triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, hai trăm lẻ một đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P.

2.1. Buộc công ty cổ phần H P có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 2.750.244.300 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm đồng*). Trong đó, số tiền thuê phương tiện theo hợp đồng là 2.476.600.000 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*) và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 273.644.300 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm đồng*).

2.2. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà công ty cổ phần H P phải thanh toán, nếu công ty cổ phần H P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 BLDS.

3. Về án phí: Buộc công ty cổ phần H P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 87.004.886 đồng (*Tám mươi bảy triệu, không trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*). Hoàn trả cho công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải H P số tiền tạm ứng án phí 46.569.200 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn,*

hai trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001030 ngày 26/3/2024 và số tiền tạm ứng án phí 6.878.00 đồng (*Sáu triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002112 ngày 05/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- TAND thành phố ĐN;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

